

Số: 131/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 576/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1167/BC-PC ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật*), được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản gồm:

a) Sở Tư pháp.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/10/2025.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 62/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.
3. Các mức chi khác liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.
4. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 34 thông qua ngày 20 tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin-Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC (5b).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



Phụ lục

**MỨC CHÍ BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 131/2025/NQ-HĐND ngày 20/9/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
I	Mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La thực hiện như sau:			
1	Các nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:			
1.1	Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản)		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.	
1.2	Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 123/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh	
1.3	Đối với khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 132/2025/NQ-HĐND ngày 20/9/2025 của HĐND tỉnh về quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La	
1.4	Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La.	
1.5	Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
1.6	Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng.	
1.7	Đối với các khoản chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La.	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
II	Mức chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La			
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật			
1.1	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	70
1.2	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	50
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	700	400
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
3.1	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.	01 báo cáo		
-	Báo cáo của UBND cấp tỉnh	01 báo cáo	3.500	
-	Báo cáo của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập.	01 báo cáo	1.500	
-	Báo cáo của UBND cấp xã.	01 báo cáo		750
3.2	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.	01 báo cáo	250	150
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp). (Tính 01 lần chỉnh lý)		300	100
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng		Thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	
6	Chi kiểm tra văn bản quy định tại mục 3 Chương II Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (đối với thẩm quyền kiểm tra văn bản của địa phương)	01 văn bản		
6.1	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		250	
6.2	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		500	
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội	01 văn bản	200	100
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản			
8.1	Mức chi chung	01 văn bản	160	90

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
8.2	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	350	160
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	250	150
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	01 văn bản	150	70
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
11.1	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	120	70
11.2	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)	Thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên công báo).	01 tài liệu (01 văn bản)	70	30
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.		Thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm ...		Thực hiện hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.	